TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 536/2026/QĐST-HNGĐ	*TP ., ngày 07 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 284/2026/HNST ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Ông Trần Thái D, sinh năm 1973
Địa chỉ: 9 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977
Địa chỉ: 6 V, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thái D chung sống vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2008 quyển số 01 ngày 08/4/2008.

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thái D nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, mặc dù ông D và bà N đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Quang B, sinh ngày 06/01/2013. Hai bên thống nhất bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con, ông Trần Thái D cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thái D thuận tình ly hôn.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2008 quyển số 01 ngày 08/4/2008 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thái D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Quang B, sinh ngày 06/01/2013 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con, ông Trần Thái D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thái D phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0010667 ngày 04/02/2026

của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Thái D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, TP. Hồ Chí Minh;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS KV2, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Minh Tú

-